

Bản án số: 54/2025/HS-PT
Ngày 10 - 10 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thái Hà và bà Bùi Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 85/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1972 tại Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú: Số C Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình); nơi cư trú: Số B, đường S, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến L (đã chết) và bà Hà Thị O; có vợ Trần Thị M và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21 tháng 12 năm 1991 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, bị kháng cáo và không bị kháng nghị:

Thuế cơ sở 5 - Ninh Bình; người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thu H, chức vụ: Trưởng Thuế cơ sở 5 - Ninh Bình (Toà không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn K sản xuất kinh doanh hàng may mặc từ năm 2006 nhưng không thành lập doanh nghiệp. Khoảng đầu năm 2023, K nhận được các đơn đặt hàng sản xuất quần áo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1, địa chỉ trụ sở: Số B đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) và Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (TNHH) May mặc T-Concepts địa chỉ trụ sở: Số nhà C, ngõ A, đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). Các công ty này yêu cầu khi hoàn thành các đơn hàng thì phải có hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo để chứng minh nguồn gốc hàng hóa. Thời điểm đó, K chưa đăng ký hoạt động doanh nghiệp và bị thất lạc căn cước công dân nên K đã tự ý sử dụng căn cước công dân và thông tin cá nhân của nhân viên cũ (ông Nguyễn Anh S) để đăng ký người đại diện theo pháp luật, thành lập Công ty TNHH S1, mã số thuế: 0601250237, đăng ký trụ sở tại địa chỉ: Số D đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) với mục đích để xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho các đơn hàng may gia công quần áo các loại theo yêu cầu của đối tác; việc làm này ông Nguyễn Anh S không biết. Từ thời điểm thành lập đến nay, tất cả các hoạt động của Công ty TNHH S1 đều do Nguyễn Tuấn K trực tiếp thực hiện bằng hình thức tự ký tên ông Nguyễn Anh S, đóng dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Anh S và đóng dấu Công ty TNHH S1 để thực hiện các giao dịch của Công ty.

Quá trình thực hiện các đơn hàng, Nguyễn Tuấn K đã mua, gia công hàng hoá là vải, nguyên liệu, phụ liệu các loại liên quan của các cá nhân, đơn vị cung cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh như: Công ty TNHH S1, địa chỉ trụ sở: Số A đường L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) với 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 271 lập ngày 28/5/2023; tổng giá trị thanh toán với số tiền 847.814.000 đồng; Công ty TNHH S1, địa chỉ trụ sở: Tầng G, số A đường N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) với 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 478 lập ngày 31/5/2023; tổng giá trị thanh toán với số tiền 608.356.100 đồng; Công ty TNHH S1, địa chỉ trụ sở: Số C đường L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh) với 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 300 lập ngày 29/6/2021; tổng giá trị thanh toán với số tiền 859.972.940 đồng. Ngoài ra, K còn liên hệ với các cơ sở may nhỏ lẻ khác để thuê gia công thành phẩm. Tuy nhiên, đây là các cơ sở may gia công nhỏ lẻ, không có khả năng xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên K đã nảy sinh ý định mua hóa đơn giá trị gia tăng không, không có dịch vụ đi kèm với mục đích để hợp thức hóa dịch vụ thuê gia công hàng hóa, kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng dịch vụ, hàng hóa mua vào nhằm giảm số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách Nhà nước. Sau đó, Nguyễn Tuấn K đã liên hệ với người đàn ông tên H1 qua số điện thoại

0876865000 để mua 02 số hóa đơn giá trị gia tăng ghi tổng số tiền hàng trước thuế là 1.462.349.500 đồng; tổng tiền thuế giá trị gia tăng là 146.234.950 đồng và tổng tiền thanh toán là 1.608.584.450 đồng mà không có dịch vụ, hàng hóa đi kèm với nội dung ghi trên hóa đơn là phí gia công quần áo các loại của Công ty TNHH S1; mã số thuế: 0317541230; địa chỉ trụ sở: Tầng H, số A đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá tương đương 6% tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên mỗi hóa đơn; cụ thể:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 348 ký hiệu 1C23TYT ngày 12/6/2023 có giá trị tiền hàng trước thuế là 731.118.000 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 73.111.800 đồng; tổng tiền thanh toán là 804.229.800 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 349 ký hiệu 1C23TYT ngày 12-6-2023 có giá trị tiền hàng trước thuế là 731.231.500 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 73.123.150 đồng; tổng tiền thanh toán là 804.354.650 đồng.

Để hợp thức việc mua bán 02 hóa đơn này, Nguyễn Tuấn K và người đàn ông tên H1 đã ký hợp đồng giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1. Do việc thanh toán tiền hàng giữa 02 Công ty không được thực hiện nên K và người đàn ông tên H1 hợp thức hóa bằng hình thức thể hiện công nợ trên hệ thống sổ sách của hai Công ty. Hiện tại, giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 vẫn đang tồn tại khoản công nợ đối với 02 hóa đơn giá trị gia tăng này. Nguyễn Tuấn K đã thanh toán tiền mua bán hóa đơn bằng tiền mặt cho H1 tương ứng $06\% \text{ tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên mỗi hóa đơn: } 06\% \times (731.111.800 + 731.231.500) = 87.740.000 \text{ đồng}$. Việc thanh toán được K thực hiện khi vào mua hàng hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Tuấn K đã sử dụng 02 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH S1 để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty TNHH S1 tại kỳ kê khai quý II năm 2023. Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ là 146.234.950 đồng.

Tại Kết luận giám định ngày 21-01-2025 của Cục thuế tỉnh N (nay là Thuế tỉnh Ninh Bình) xác định về hành vi trốn thuế: “*Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 đã vi phạm hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019*”. Về xác định số tiền trốn thuế: “*Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 đã kê khai khống hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào 146.234.950 đồng là không đúng quy định, vi phạm khoản 6 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp là 121.997.467 đồng (= 146.234.950 đồng - 24.237.483 đồng), dẫn đến số tiền trốn thuế giá trị gia tăng của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là 121.997.467 đồng, tương ứng với số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước là 121.997.467 đồng*”.

Nguyễn Tuấn K đã khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp con dấu, dấu chức danh và các giấy tờ liên quan đến đăng ký kinh doanh và hoạt động của Công ty TNHH S1.

Tại Kết luận giám định số 281/KL-KTHS ngày 23-01-2025 của Phòng K1 Công an tỉnh N (nay là Công an tỉnh N) xác định: Hình dấu đứng tên “CÔNG TY TNHH S1 LUÂN” trên các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa thu thập được trong quá trình làm việc với Nguyễn Tuấn K là do con dấu đứng tên “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI LUÂN” do Nguyễn Tuấn K tự nguyện giao nộp đóng ra. Hình dấu đứng tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Anh S” trên các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa thu thập được trong quá trình làm việc với Nguyễn Tuấn K là do con dấu đứng tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Anh S” do Nguyễn Tuấn K tự nguyện giao nộp đóng ra. Chữ ký đứng tên “Nguyễn Anh S” trên các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa thu thập được trong quá trình làm việc với Nguyễn Tuấn K là do Nguyễn Tuấn K ký.

Ngày 08/02/2025, Nguyễn Tuấn K tự nguyện giao nộp số tiền 122.000.000 đồng để khắc phục số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình đã căn cứ các điểm d khoản 1 và khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền); xử lý vật chứng; án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, bị cáo Nguyễn Tuấn K kháng cáo xin thay đổi hình phạt; đồng thời, đề nghị cấp phúc thẩm chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K thừa nhận các tình tiết ghi trong bản án sơ thẩm là đúng với diễn biến của vụ án; lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Tại kỳ kê khai quý II năm 2023, Nguyễn Tuấn K đã mua và sử dụng bất hợp pháp 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 348 ký hiệu 1C23TYT ngày 12/6/2023 và số 349 ký hiệu 1C23TYT ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH S1 nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo; với mục đích để hợp thức hóa dịch vụ thuê gia công hàng hóa, kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng dịch vụ, hàng hóa mua vào của Công ty TNHH S1 làm giảm số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 121.997.467 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 6 Điều 1 của Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 4 Điều 143 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13-6-2019. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử bị cáo Nguyễn Tuấn K về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét kháng cáo xin chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền của bị cáo Nguyễn Tuấn K thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nộp toàn bộ số tiền 121.997.467 đồng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả; các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; tuy nhiên, bị cáo không thấy đó là bài học mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù là có căn cứ, phù hợp với Điều 38 của Bộ luật Hình sự nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn K; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT&THA Tòa án tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 7 - Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 7 - Ninh Bình;
- UBND phường Trường Thi;
- Bị cáo;
- Bộ phận HCTP; Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy